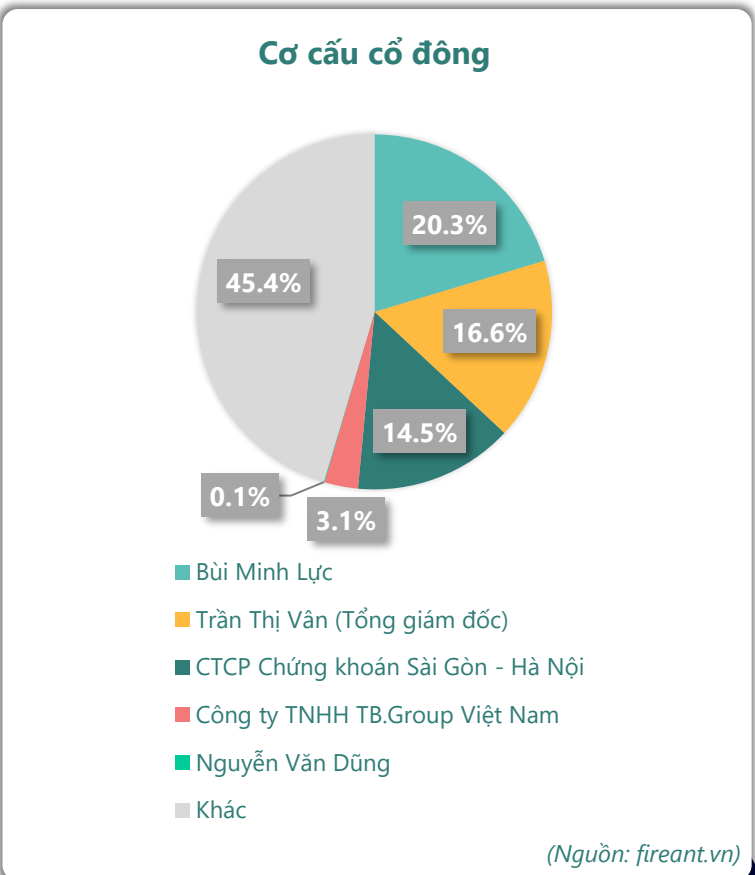
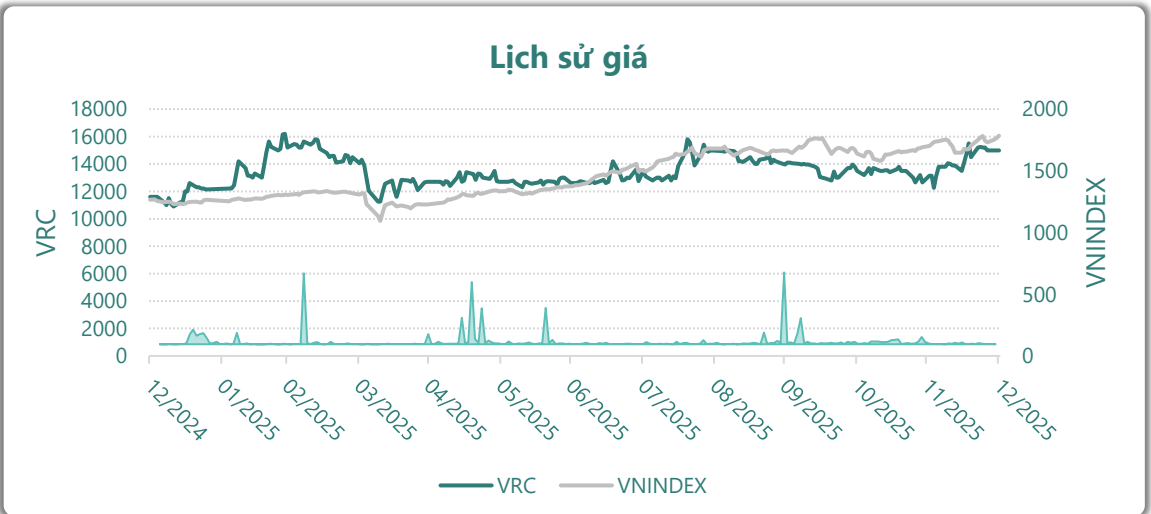
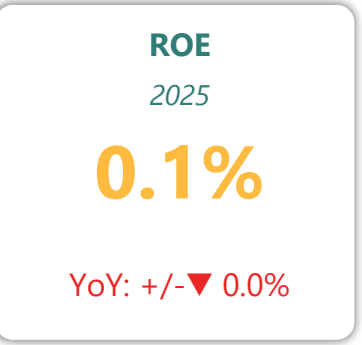
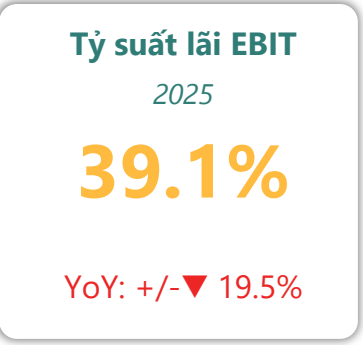
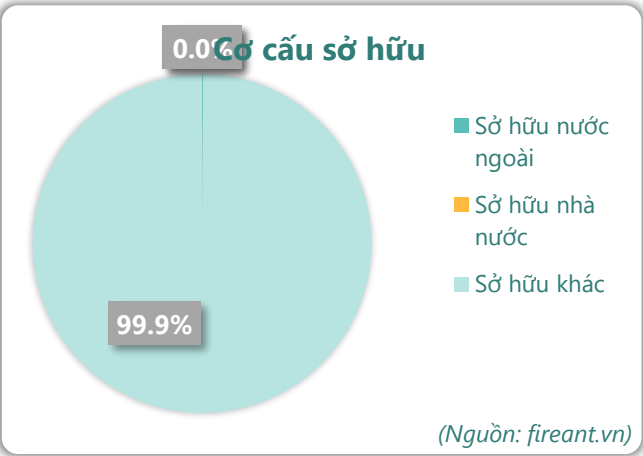


CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

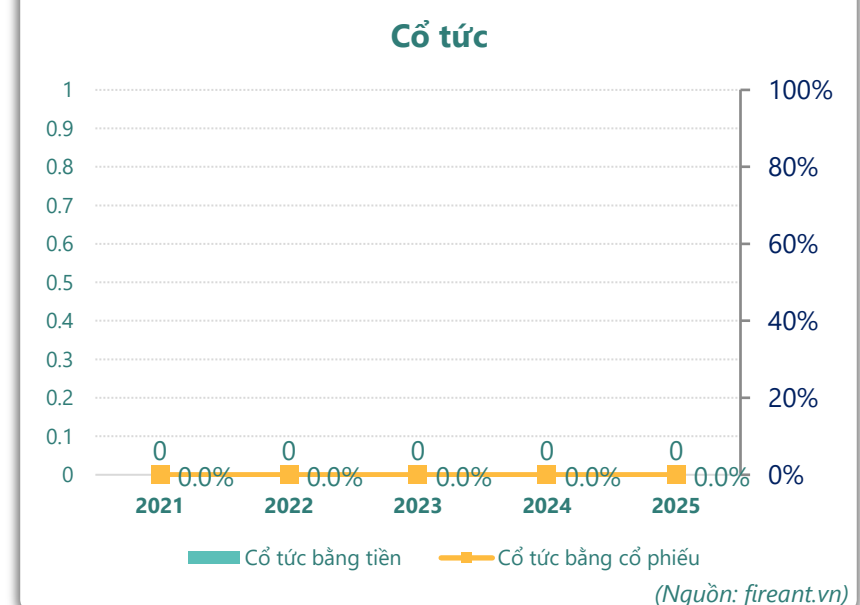
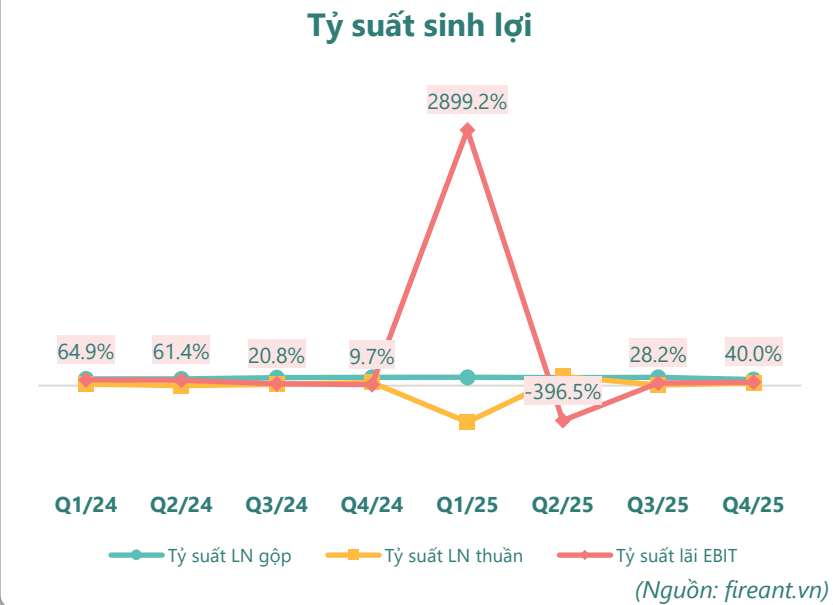
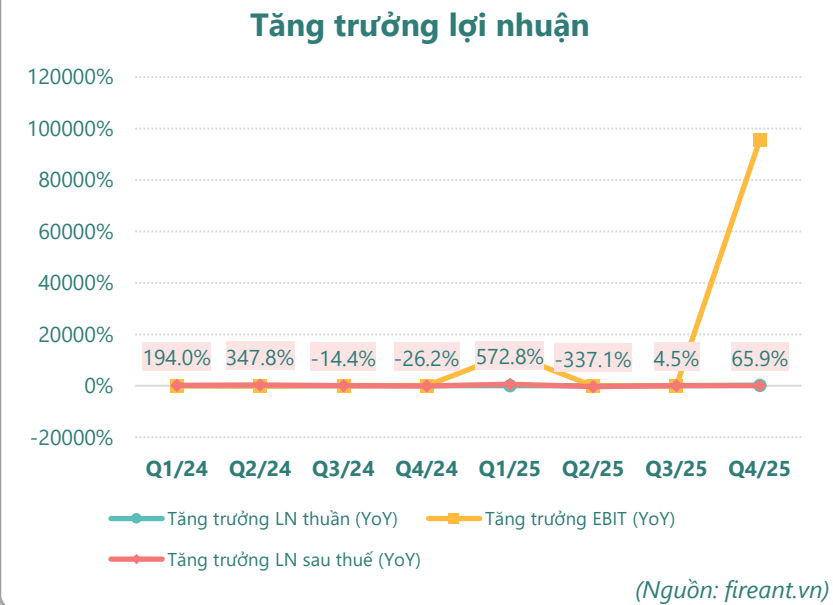
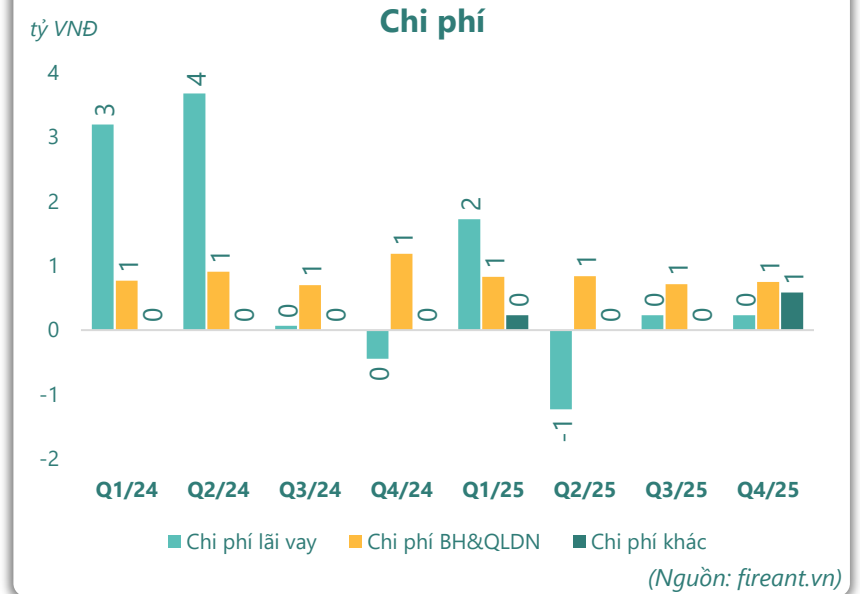
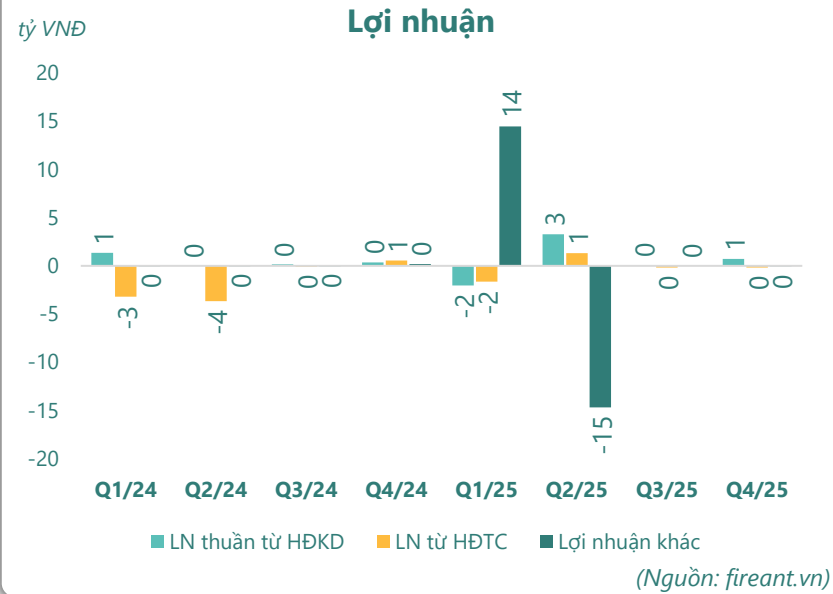
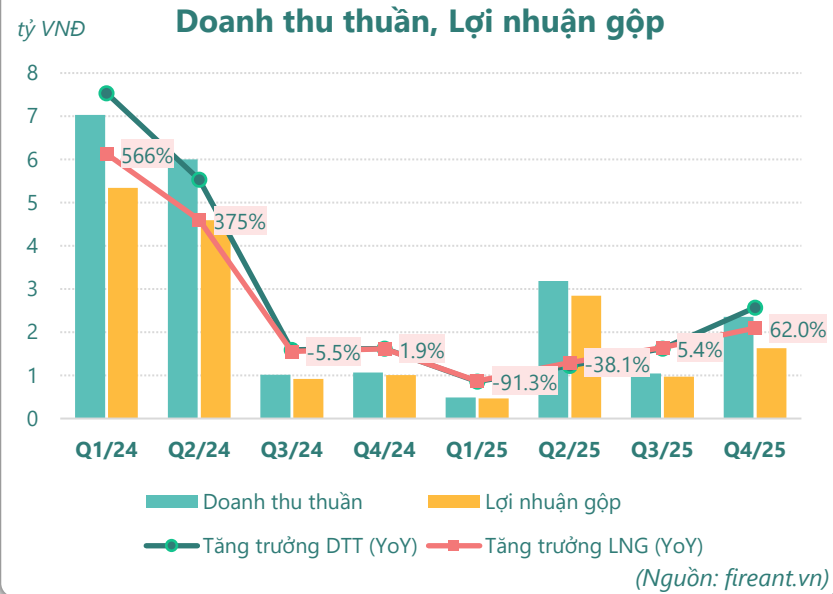
CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC

Ngày 31/12/2025	15,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.5%	7.5%	19.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,900 - 16,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	750
Số lượng CPLH (CP)	50,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	141,165
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.38
EPS	15
P/E	994.2



KẾT QUẢ KINH DOANH

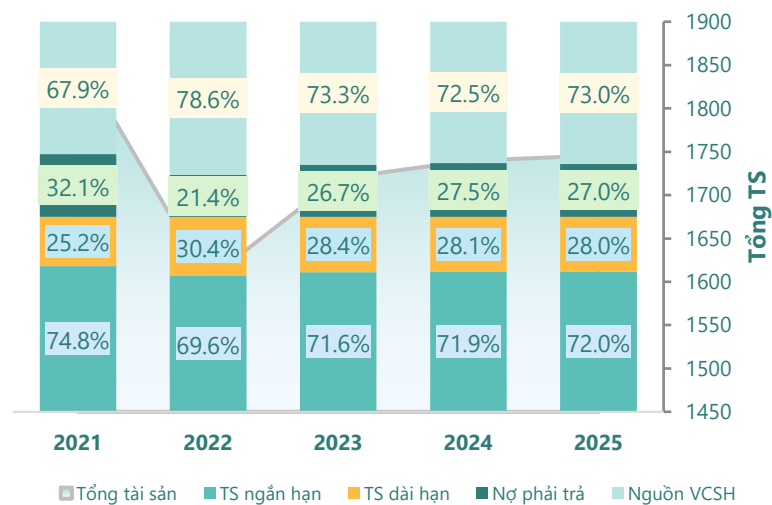




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

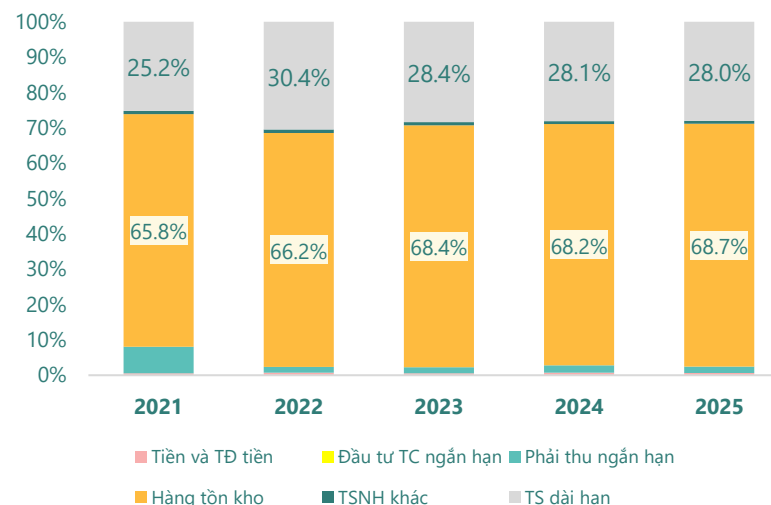
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

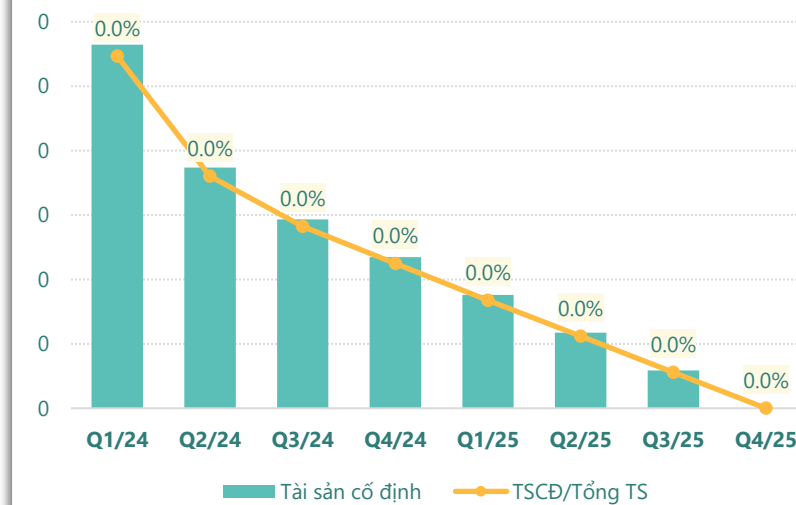
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

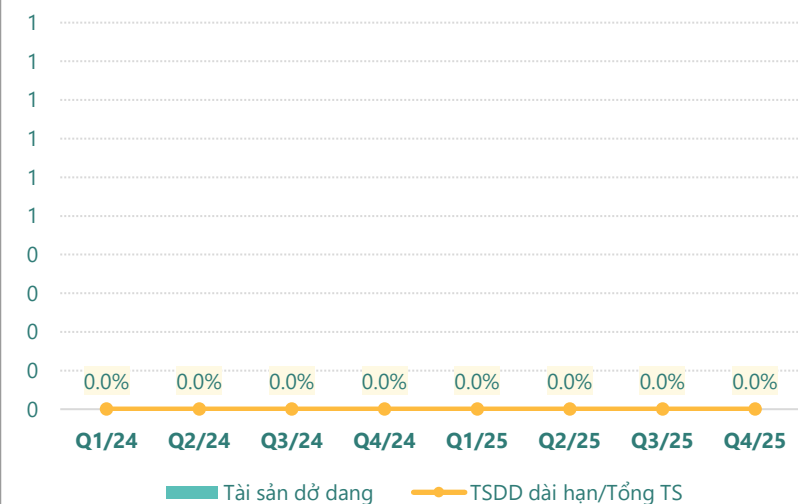
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

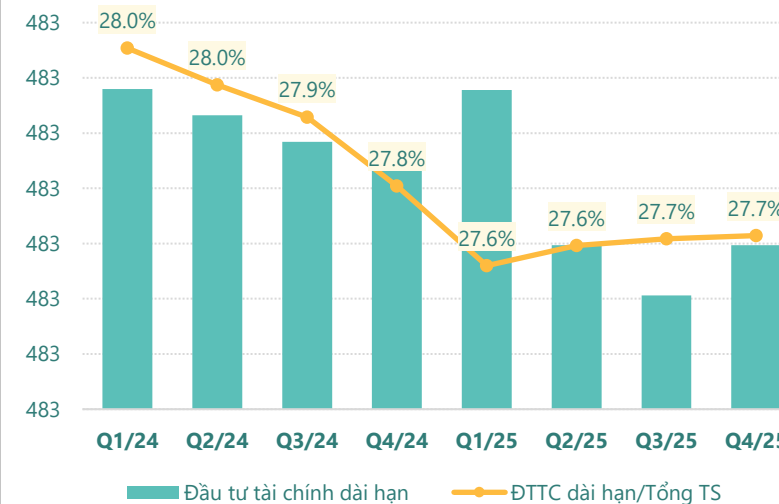
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

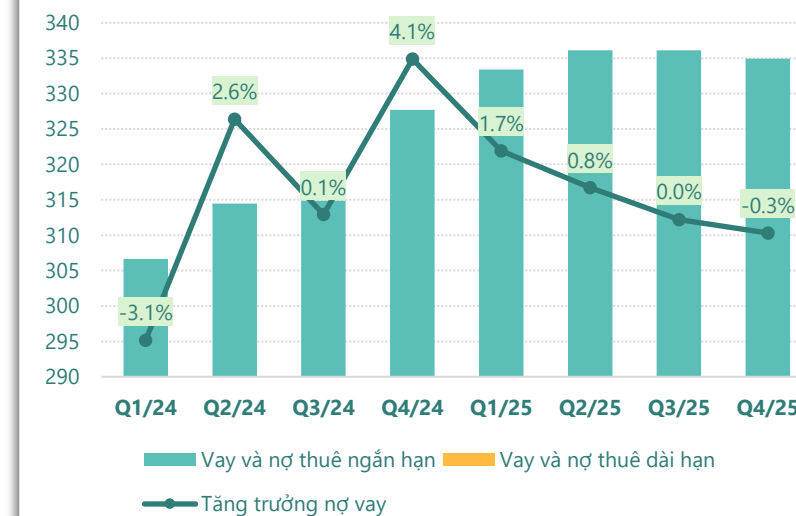
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

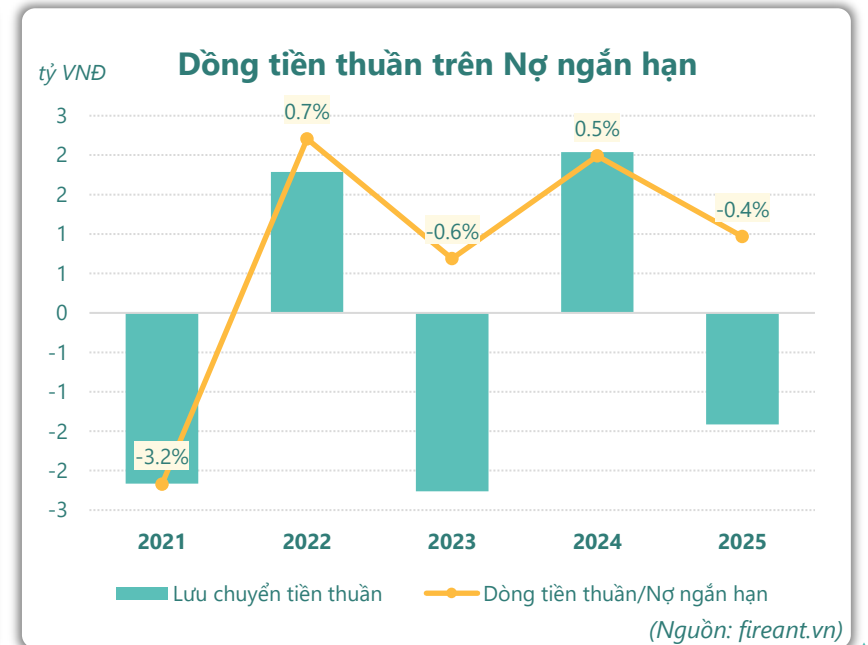
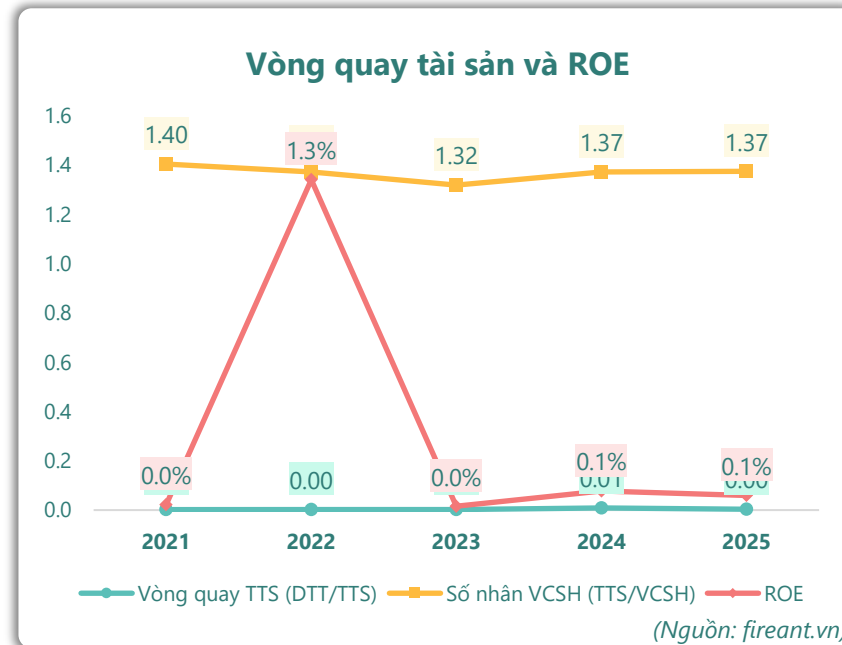
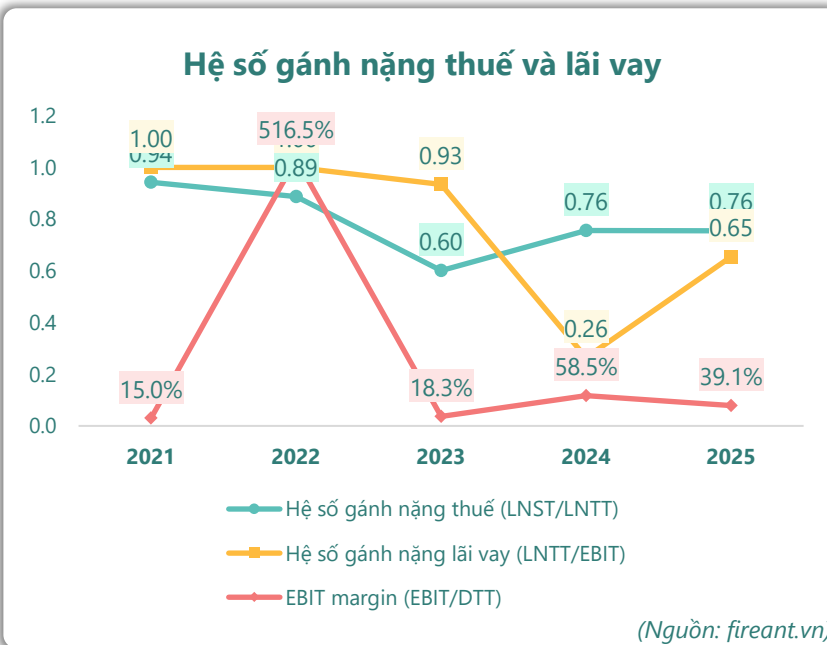
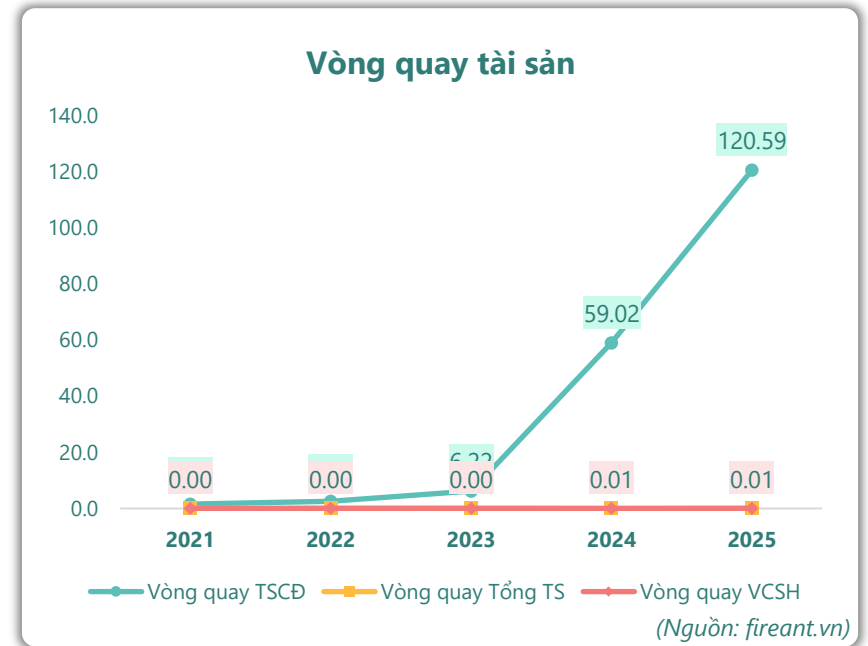
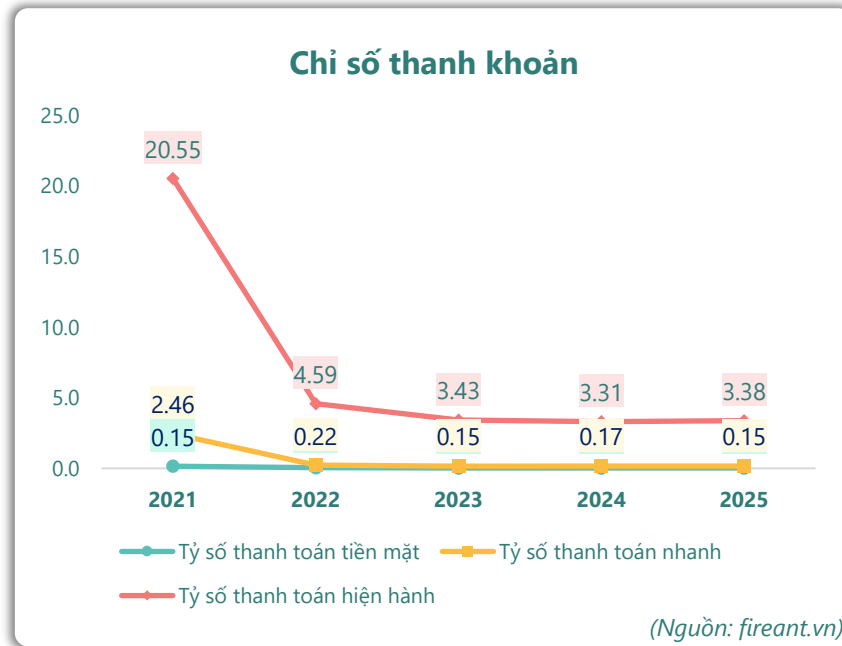
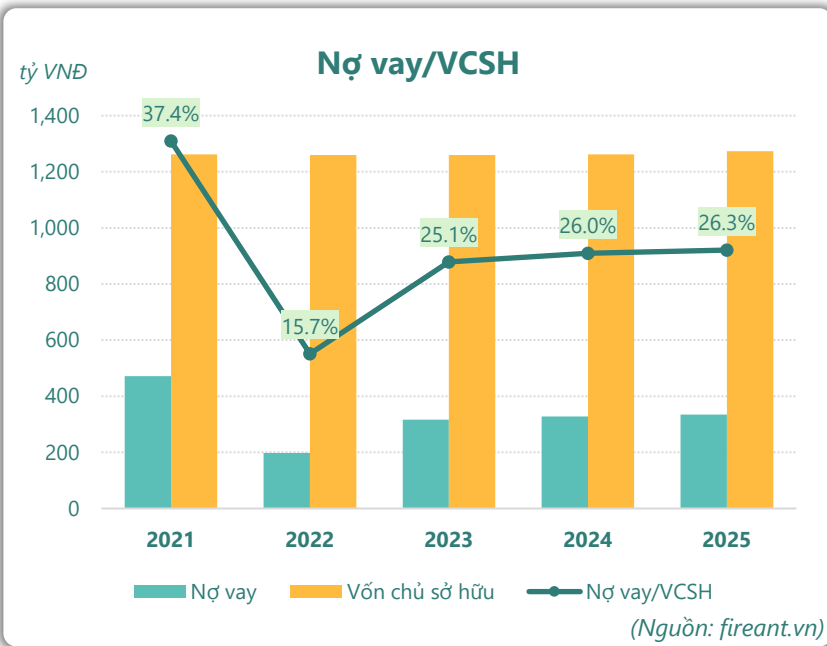
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2.36	1.07	120%	7.07	15.1	-53.2%
Giá vốn hàng bán	0.73	0.06	1112%	1.16	3.24	-64.2%
Lợi nhuận gộp	1.63	1.00	62.8%	5.91	11.9	-50.2%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.12	-55.7%	0.25	0.08	203%
Chi phí TC	0.23	-0.44	153%	0.95	6.51	-85.3%
Chi phí lãi vay	0.23	-0.44	153%	0.95	6.51	-85.3%
LN trong công ty LKLD	0.02	-0.01	282%	-0.03	-0.04	29.0%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.75	1.19	-37.1%	3.13	3.57	-12.2%
LN thuần từ HĐKD	0.72	0.37	94.3%	2.05	1.83	11.7%
Lợi nhuận khác	-0.01	0.18	-105%	-0.24	0.50	-148%
LN trước thuế	0.71	0.55	28.9%	1.81	2.34	-22.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.59	0.42	40.3%	1.37	1.77	-22.7%
LNST của CĐ cty mẹ	0.34	0.18	91.0%	0.75	0.98	-22.8%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.48	-9.95	-6.13	-0.88	-2.44	1.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-0.99	-0.60	0.00	0.01	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.40	12.8	5.71	0	2.70	-1.15
Tiền đầu kỳ	10.1	9.98	11.9	10.9	9.99	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	-0.08	1.90	-1.02	-0.87	0.27	0.21
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.98	11.9	10.9	9.99	10.3	10.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,746	1,740	0.4%
Tài sản ngắn hạn	1,257	1,251	0.5%
Tiền và tương đương tiền	10.5	11.9	-11.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	32.4	37.6	-13.8%
Hàng tồn kho	1,199	1,186	1.1%
Tài sản ngắn hạn khác	14.7	15.1	-2.8%
Tài sản dài hạn	489	489	0.0%
Phải thu dài hạn	0.13	0.13	0.0%
Tài sản cố định	0	0.12	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	483	483	0.0%
Tài sản dài hạn khác	6.16	5.81	6.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	472	478	-1.2%
Nợ ngắn hạn	372	378	-1.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	335	328	2.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.05	0.69	-92.2%
Nợ dài hạn	100	100	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,274	1,262	1.0%
Vốn chủ sở hữu	1,274	1,262	1.0%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

